CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2024

CTCP Giống cây trồng Miền Nam

Ngày 28/06/2024	37,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	19.6%	**17.5%**	**37.9%**

DT thuần
Q2/24
124
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 55.5| 81.6%
YoY: ▲ 28.7| 30.6%

LN thuần
Q2/24
22.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 13.9| 166%
YoY: ▲ 0.80| 3.9%

LN sau thuế
Q2/24
18.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 11.3| 165%
YoY: ▲ 0.50| 2.8%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/24
19.2%
YoY: +/-▲ 6.1%

ROE (TTM)
Q2/24
16.0%
YoY: +/-▲ 1.2%

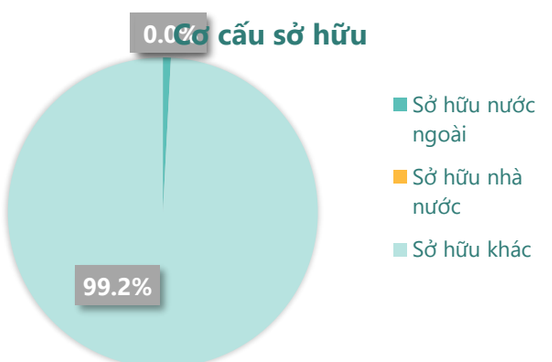
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	25,564 - 37,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	499
Số lượng CPLH (CP)	13,271,785
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,250
Sở hữu nước ngoài	0.8%
Beta	0.23
EPS	4,384
P/E	8.6

DT thuần
6T 2024
193
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 46.0| 30.9%

LN thuần
6T 2024
30.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.20| 11.6%

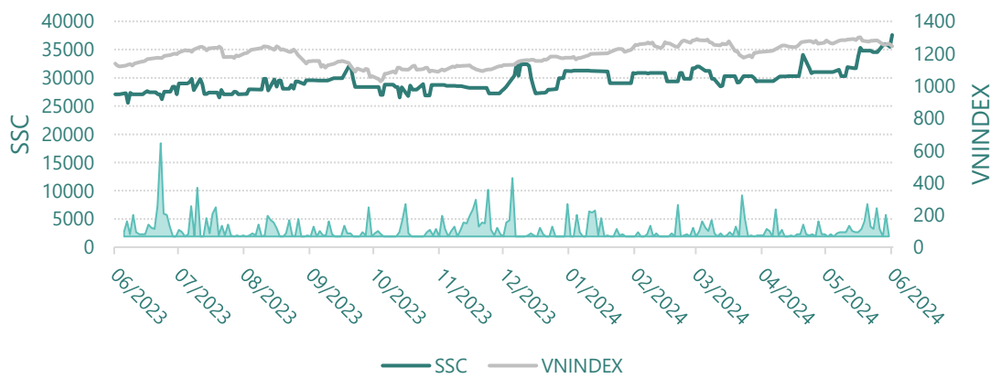
LN sau thuế
6T 2024
25.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.30| 10.3%

Cơ cấu sở hữu

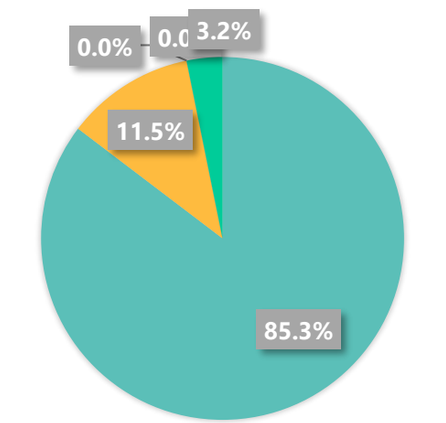


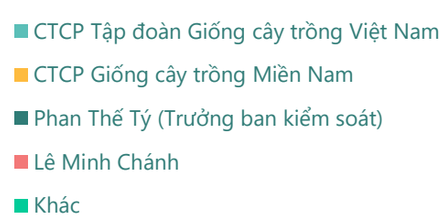
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

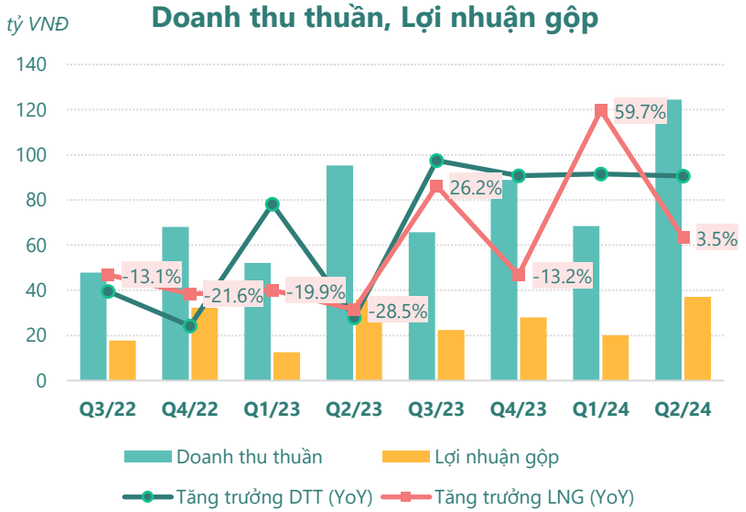




(Nguồn: fireant.vn)

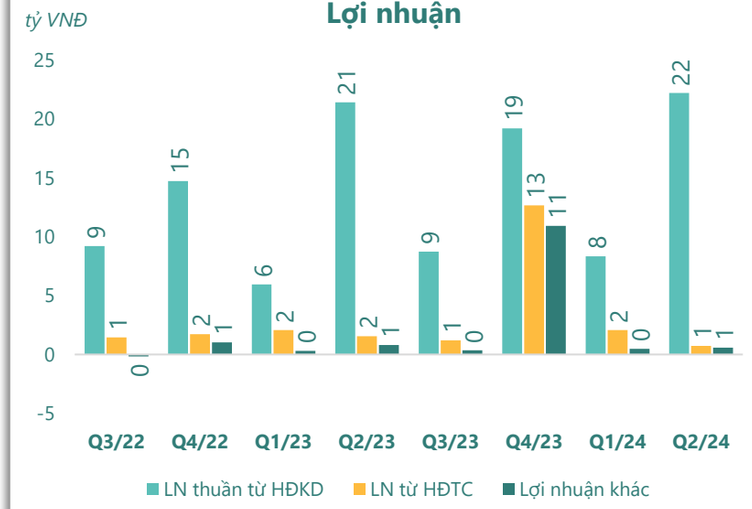
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



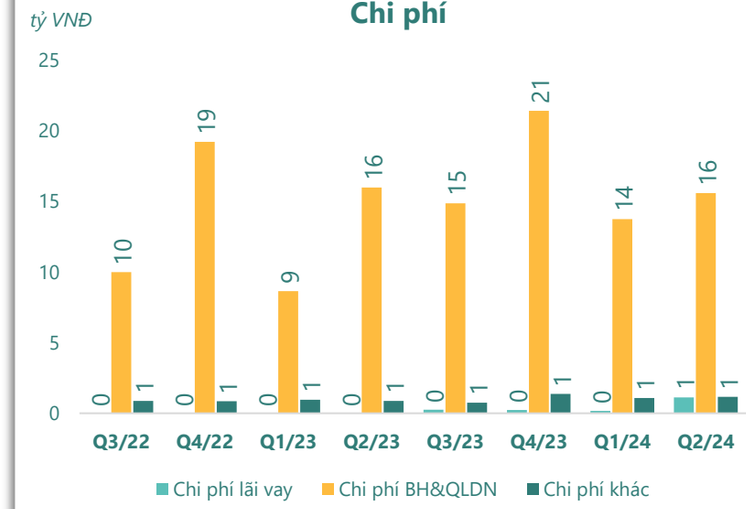
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



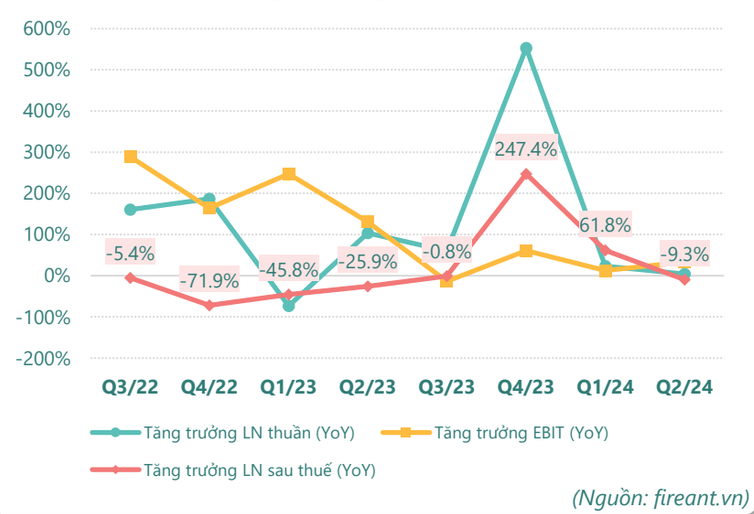
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



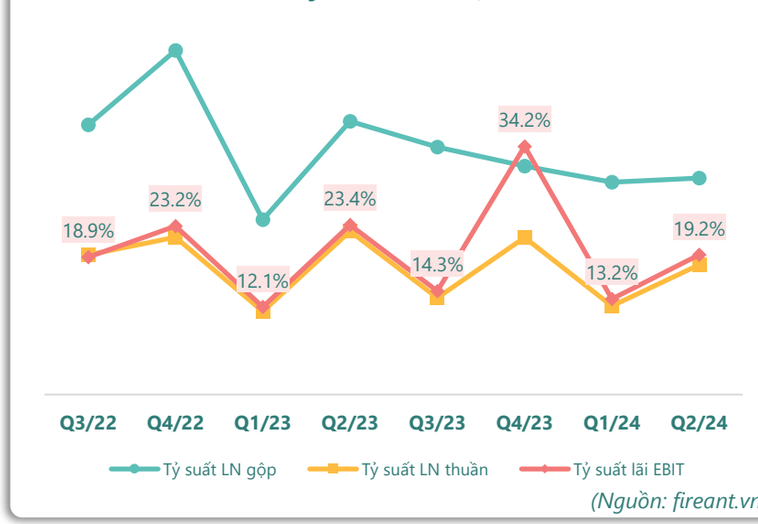
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



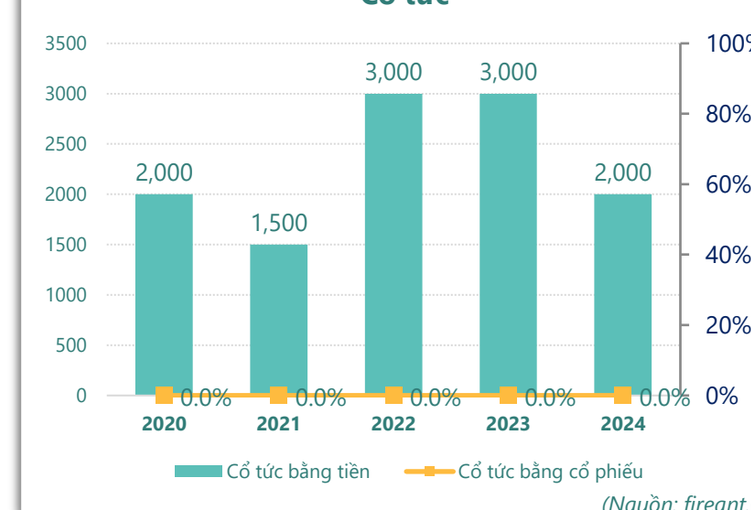
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

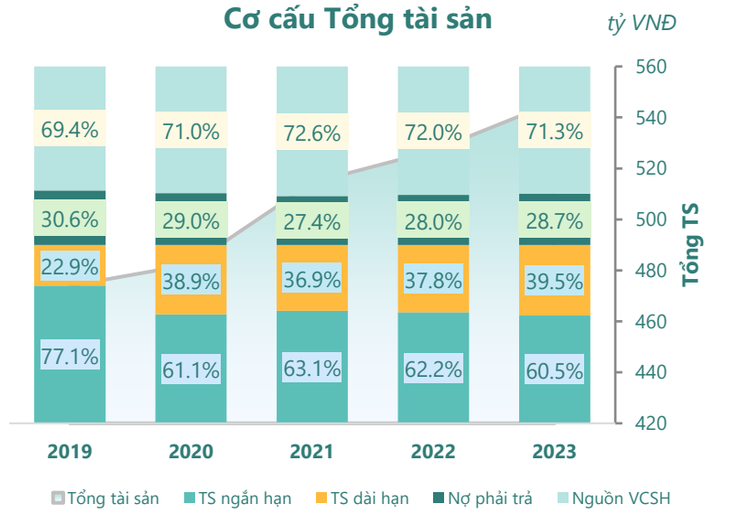
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

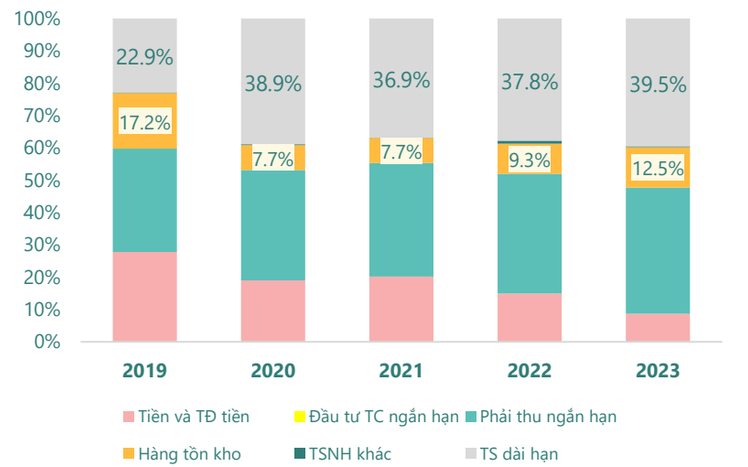
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



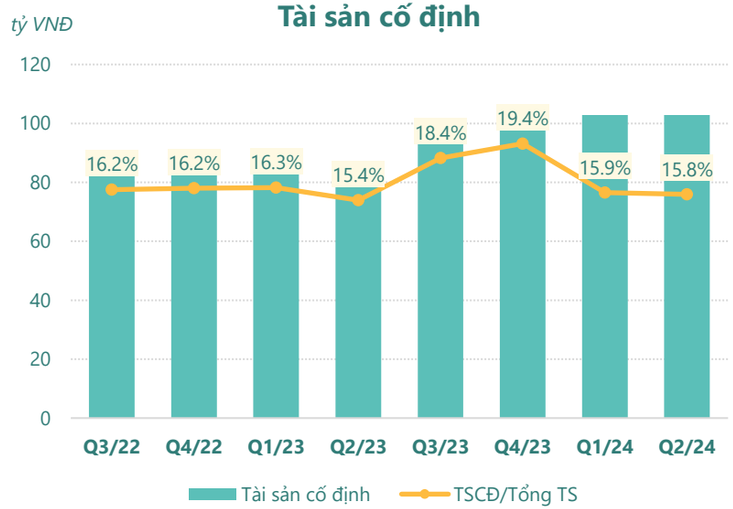
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



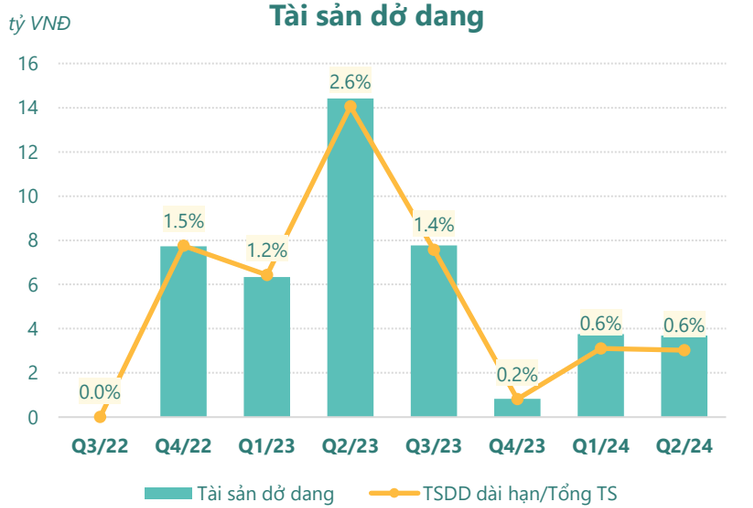
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



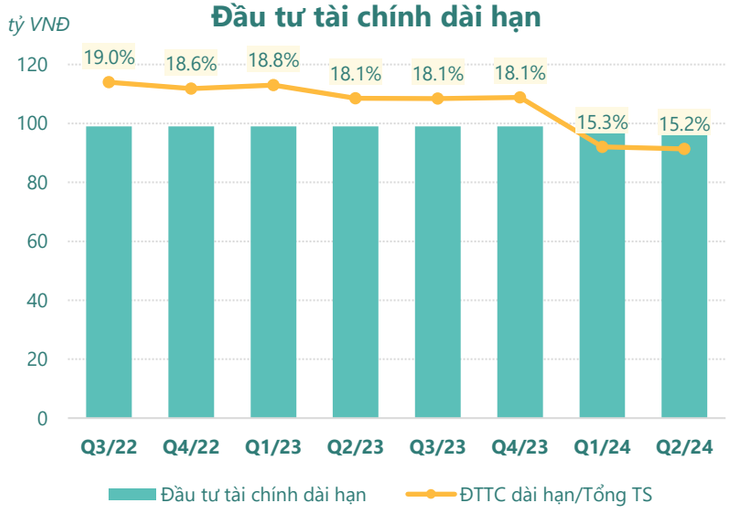
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



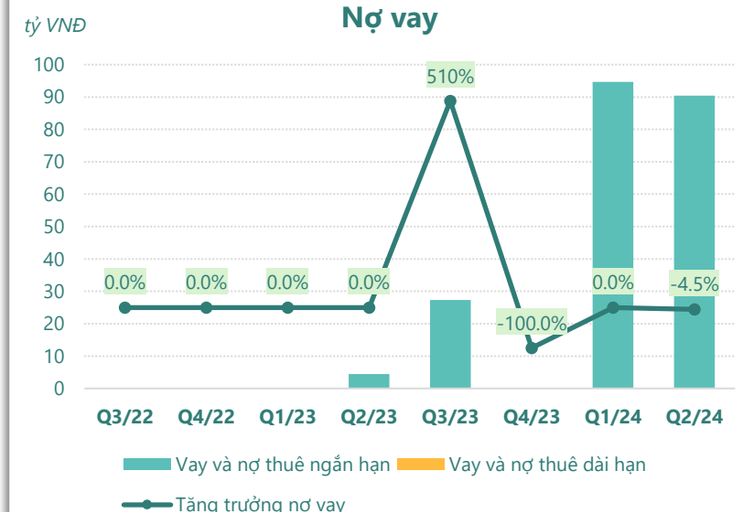
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

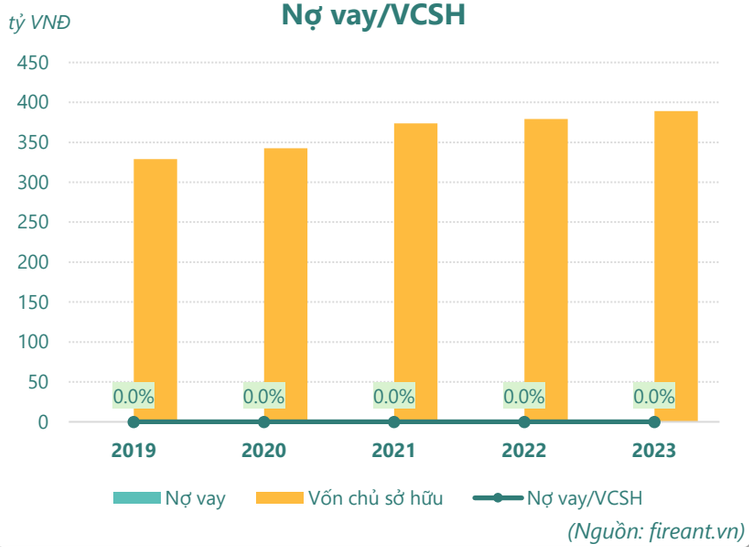
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

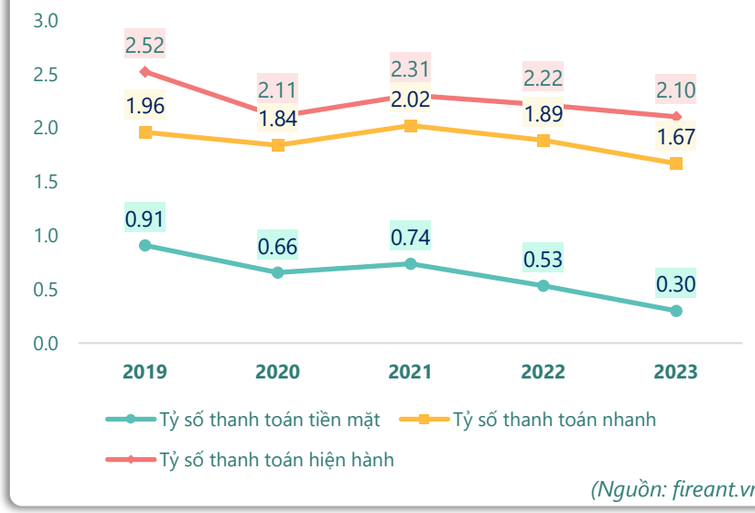
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



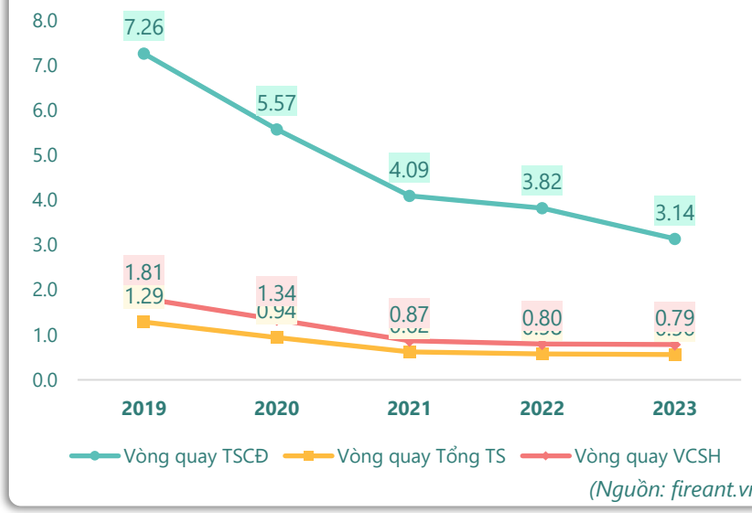
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



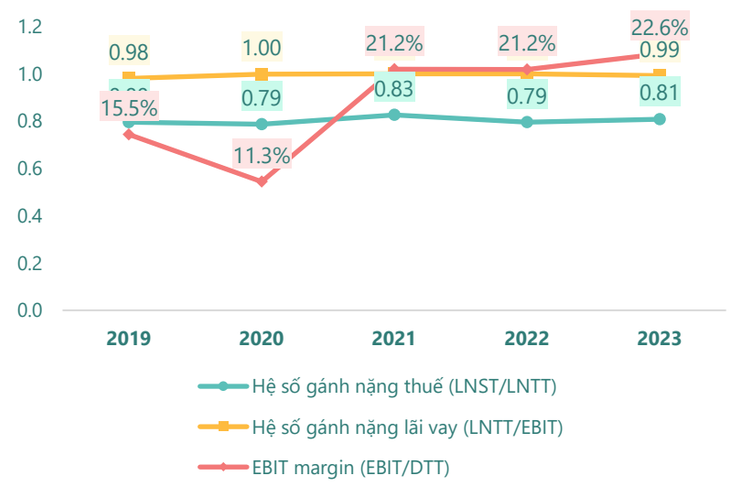
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



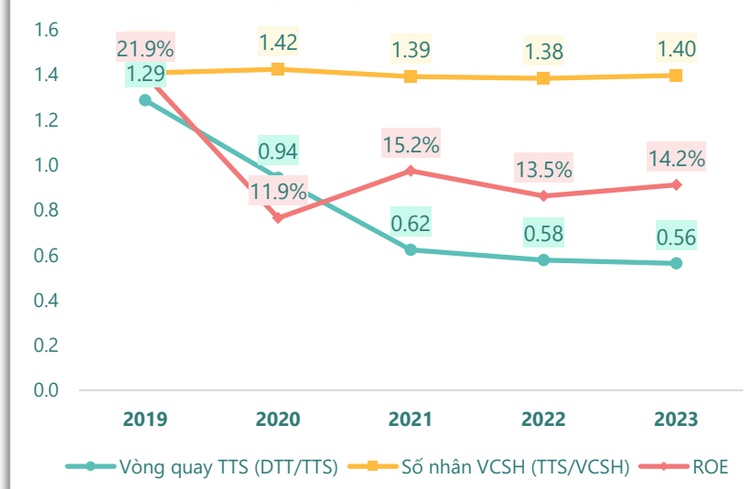
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



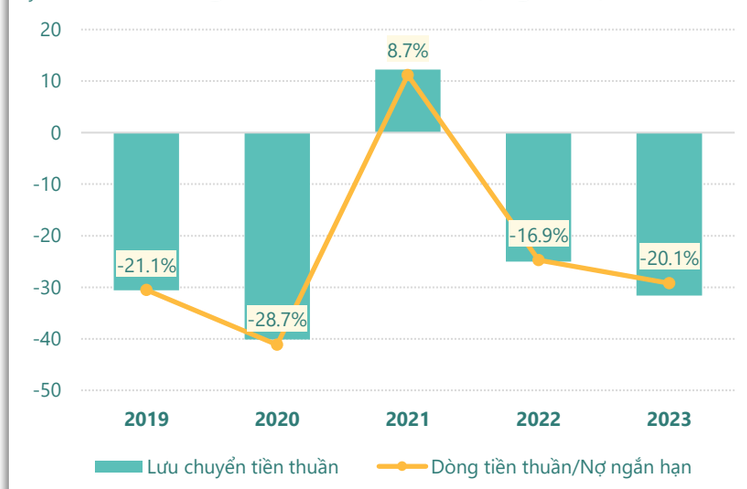
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**124**	**95.3**	**30.6%**	**193**	**147**	**30.9%**
Giá vốn hàng bán	87.3	59.4	47.0%	136	98.9	37.2%
Lợi nhuận gộp	37.1	35.9	3.4%	57.2	48.4	18.0%
Doanh thu HĐTC	1.88	1.57	19.9%	4.18	3.95	5.8%
Chi phí TC	1.16	0.00		1.38	0.30	359%
Chi phí lãi vay	1.12	0.00		1.30	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	6.00	9.33	-35.7%	12.0	14.0	-14.2%
Chi phí QLDN	**9.60**	**6.66**	**44.1%**	**17.4**	**10.7**	**62.5%**
LN thuần từ HĐKD	22.2	21.4	3.9%	30.6	27.4	11.6%
Lợi nhuận khác	**0.58**	**0.81**	**-28.1%**	**1.07**	**1.13**	**-5.0%**
LN trước thuế	22.8	22.3	2.4%	31.7	28.5	11.0%
Lợi nhuận sau thuế	**18.2**	**17.7**	**2.8%**	**25.0**	**22.7**	**10.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**18.2**	**17.7**	**2.8%**	**25.0**	**22.7**	**10.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-44.3	17.1	61.6	41.0	-113	1.82
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-6.94	-1.71	-89.4	30.8	10.5	23.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	4.48	2.94	-47.2	94.7	-4.30
Tiền đầu kỳ	78.8	27.6	47.4	22.6	47.2	39.0
Lưu chuyển tiền thuần	**-51.3**	**19.9**	**-24.8**	**24.6**	**-8.25**	**21.4**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0.00	0	0
Tiền cuối kỳ	27.6	47.4	22.6	47.2	39.0	60.4

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**650**	**546**	**19.1%**
Tài sản ngắn hạn	438	330	32.6%
Tiền và tương đương tiền	60.4	47.2	27.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.00	0	
Phải thu ngắn hạn	224	213	4.9%
Hàng tồn kho	149	68.2	118%
Tài sản ngắn hạn khác	1.80	1.37	31.8%
Tài sản dài hạn	**213**	**216**	**-1.6%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	103	106	-2.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	3.68	4.05	-9.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	99.0	99.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**6.98**	**6.89**	**1.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	281	157	79.2%
Nợ ngắn hạn	**281**	**157**	**79.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	90.4	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	20.0	26.9	-25.6%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**369**	**389**	**-5.1%**
Vốn chủ sở hữu	**369**	**389**	**-5.1%**
Vốn điều lệ	150	150	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)